

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quang

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Vỹ

Ông Đoàn Ngọc Thiện

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Tình– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Lương Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 02/2018/TLPT-KDTM ngày 29/01/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2018/QĐ-PT ngày 08/3/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐ-PT ngày 28/3/2018; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2018/TB-TA ngày 29/8/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐ-PT ngày 19/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B (viết tắt Ngân hàng B).

Địa chỉ: Đường V, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (theo Văn bản ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 – vắng mặt).

Ông H ủy quyền lại cho ông Trần Quyết Q, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Vũng Tàu (theo Văn bản ủy quyền số 249/UQ-BIDV.BRVT-QLRR ngày 19/9/2018 – có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, khu phố M, thị trấn X, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà K ủy quyền tham gia tố tụng cho: bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1957 (theo Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2018 được UBND thị trấn X số 329 quyền số 01/2018-SCT/CK, ĐC ngày 15/6/2018 - có mặt).

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn X, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn D, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B khu phố M, thị trấn X, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông D ủy quyền tham gia tố tụng cho : bà Nguyễn Thị N gọc N, sinh năm 1957 (theo Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2018 được UBND thị trấn X số 329 quyền số 01/2018-SCT/CK, ĐC ngày 15/6/2018 - có mặt).

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn X, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Quyết Q trình bày:

Ngày 24/6/2011, bà K và ông D (chồng bà K) đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 000708/2011/HĐTC (BL 21-25) thế chấp diện tích đất 165,3m² thuộc thửa 26662.130.287, tờ bản đồ 130 tọa lạc tại thị trấn X, huyện L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 930306 do UBND huyện L cấp ngày 17/3/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Kim K cho Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo “Biên bản định giá” ngày 24/6/2011 (BL 15) thì giá trị tài sản thế chấp là 400.000.000đ. Hợp đồng thế chấp được công chứng ngày 27/6/2011 tại Phòng Công chứng P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện L theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp được xác nhận ngày 28/6/2011 (BL 16).

Ngày 29/6/2011, bà K ký Hợp đồng tín dụng số 4172878 (BL 31-32) vay của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu 300.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 20,5%/năm, thay đổi 1 quý 1 lần vào ngày 01 của các tháng đầu quý theo thông báo lãi suất của Ngân hàng B tại thời điểm điều chỉnh; lãi quá hạn = 150% lãi suất cho vay; mục đích vay kinh doanh hải sản; lãi trả định kỳ vào ngày 22 hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.

Ngày 29/6/2011, bà K đã nhận đủ số tiền vay 300.000.000đ theo Bảng kê rút vốn ngày 29/6/2011 (BL 30a) và Giấy lĩnh tiền mặt (BL 115).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà K đã vi phạm các cam kết về nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng như đã thỏa thuận. Đến nay bà K chưa trả được phần nợ gốc và nợ lãi nào, Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu đã đôn đốc nhiều lần nhưng bà K vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng B đã khởi kiện yêu cầu bà K phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 688.829.167đ, trong đó nợ gốc là 300.000.000đ, lãi trong hạn là 58.754.167đ, lãi quá hạn là 330.075.000đ (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/11/2017). Ngoài ra, bà K còn phải trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 28/12/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp bà K không trả được nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền bán đấu giá không đủ trả nợ thì bà K phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán xong khoản vay.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim K đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D là

bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Bà K thừa nhận ngày 29/6/2011 có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu 300.000.000đ, với thời hạn, lãi suất, mục đích vay và thế chấp tài sản đảm bảo như đại diện Ngân hàng B trình bày. Tuy nhiên, thực tế bà K không nhận được số tiền vay mà Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu đã tự ý chuyển số tiền trên để trả nợ thay cho Doanh nghiệp tư nhân Y (viết tắt là Doanh nghiệp Y) tại Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu, thể hiện tại tờ sao kê tài khoản thanh toán khách hàng của Doanh nghiệp Y phát sinh có số tiền 300.000.000đ cùng với ngày bà K ký vay tiền, tại giấy lĩnh tiền mặt (photo) ngày 29/6/2011 do Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp có chữ ký của bà K nhưng là chữ ký photo vì bà K không lĩnh tiền mặt nên không ký vào giấy này. Do đó, bà K không đồng ý trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu và cũng không đồng ý việc xử lý tài sản thế chấp, đồng thời yêu cầu giám định chữ ký của bà Nguyễn Thị Kim K tại Giấy lĩnh tiền mặt ngày 29/6/2011 và giám định chữ ký của ông Nguyễn Tấn Y tại giấy nộp tiền mặt ngày 29/6/2011.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng các Điều 30, 147, 157, 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 với bà K như sau:

- Bà K phải thanh toán cho Ngân hàng B tổng cộng là 688.829.167 (sáu trăm tám mươi tám triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, một trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó gồm 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/11/2017 là 388.829.167đ (ba trăm tám mươi tám triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, một trăm sáu mươi bảy đồng). Bà K phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc cho Ngân hàng B kể từ ngày 28/11/2017 theo lãi suất được thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 cho đến khi tất toán hết nợ gốc.

- Trường hợp bà K không trả được nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 000708/2011/HĐTC ngày 24/6/2011 đối với thửa đất số 287 tờ bản đồ 130 thị trấn X, huyện L, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 930306 ngày 17/3/2008 do UBND huyện L cấp cho bà Nguyễn Thị Kim K.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí do vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ, giám định, án phí, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/12/2017, bà K có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện L với lý do: Tuy bà K ký đã tên trên các chứng từ nhận tiền trước khi được giải ngân theo yêu cầu của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu nhưng thực tế bà K không nhận được tiền vì Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu đã dùng số tiền này đem cầm trả vào tài khoản của Doanh nghiệp Y. Vì vậy, Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu không có chứng từ “Bảng kê chi tiền mặt” bà K nhận tiền. Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu đợi đến tháng 7/2017 mới khởi kiện (theo quy định của

ngân hàng thì sau 05 năm lưu trữ các chứng từ này sẽ bị hủy) bà K đề đưa ra lý do không cung cấp được các chứng từ này cho Tòa án là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà N đại diện theo ủy quyền của bà K xác nhận Hợp đồng thế chấp bất động sản số 000708/2011/HĐTC ngày 24/6/2011 (BL 21-25); Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 (BL 31-32); “Bảng kê rút vốn” ngày 29/6/2011 (BL 30a) và “Giấy lĩnh tiền mặt” ngày 29/6/2011 (BL 115) đều là chữ viết và chữ ký của bà K. Tuy nhiên bà K cho rằng Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu đã lừa bà K ký trước chứng từ nhận tiền vay 300.000.000đ mà không giao 300.000.000đ cho bà K, lại căn trừ số tiền này trả nợ vào tài khoản của Doanh nghiệp Y do ông Y (là em ruột của bà K) là chủ doanh nghiệp đang có khoản vay tại Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu, nên trong tài khoản của Doanh nghiệp Y phát sinh “có” 300.000.000đ vào cùng ngày 29/6/2011, do đó Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu không có “Bảng kê chi tiền mặt” chứ không phải “Bảng kê chi tiền mặt” đã hết thời gian lưu trữ nên bị tiêu hủy như đại diện Ngân hàng B trình bày; bà K không nhận tiền vay 300.000.000đ nhưng án sơ thẩm không đưa bộ phận liên quan của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu vào tham gia tố tụng và không tiến hành giám định chữ ký của ông Y trong “Giấy nộp tiền mặt” vào tài khoản của Doanh nghiệp Y cùng ngày 29/6/2011 là vi phạm tố tụng nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

- Ông Q đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng B có quan điểm: Bà K thừa nhận đã ký hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng, “Bảng kê rút vốn”, và “Giấy lĩnh tiền mặt”. Quá trình thực hiện tín dụng cho đến khi Ngân hàng B khởi kiện, bà K đều không có bất cứ khiếu nại thắc mắc gì về việc không nhận được 300.000.000đ tiền vay là vô lý. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng về cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật, thời gian hoãn phiên tòa còn kéo dài. Về nội dung, căn cứ vào hồ sơ thì bà K đã ký nhận số tiền vay 300.000.000đ. Bà K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Quan hệ giữa các đương sự trong vụ án và quan hệ vay tài sản của các đương sự tại Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu:

- Bà K và ông Nguyễn Tân Y (chủ Doanh nghiệp Y) đều là con đẻ của bà N.

- Theo bà K tại thời điểm bà K vay tiền của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011, thì Doanh nghiệp Y do ông Y là chủ doanh nghiệp cũng có một khoản vay tại Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Tính có liên quan của các chứng từ liên quan đến hoạt động tín dụng cần được lưu trữ theo hợp đồng tín dụng trong hồ sơ tín dụng: Về nguyên tắc thì quy trình và trình tự thủ tục của một hồ sơ tín dụng được xem là hoàn tất được thể hiện ở khâu cuối cùng tại “Bảng kê chi tiền mặt” của bên cho vay có chữ ký nhận của bên vay, thể hiện các nội dung: Số tiền bên vay được nhận là bao nhiêu? bên vay nhận mấy loại tiền? mỗi loại tiền có mệnh giá bao nhiêu? và tổng các loại tiền có mệnh giá phải tương ứng với tổng số tiền mà bên vay được nhận. Theo ông Q đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng B thì quá trình Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu cho bà K vay tiền đã thực hiện đủ, đúng thủ tục và có “Bảng kê chi tiền mặt”. Nhưng căn cứ vào “Bảng thời hạn bảo quản hồ sơ tài liệu trong ngành Ngân hàng” kèm theo Thông tư số 43/2011/TT-NHNN ngày 20/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì “Bảng kê chi tiền mặt” ngày 29/6/2011 có chữ ký nhận tiền của bà K đã quá thời hạn lưu trữ, nên đã bị tiêu hủy. Xét thấy, do đặc thù của hệ thống tín dụng ngân hàng là quản lý và kinh doanh tiền tệ nên có rất nhiều loại giao dịch tiền tệ khác nhau, do đó việc phân định và lưu trữ các chứng từ tài liệu là phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo tính có liên quan. Đồng thời, thời hạn lưu trữ là được tính kể từ khi giao dịch hoàn tất. Tuy nhiên trên thực tế thì “Bảng kê chi tiền mặt” ngày 29/6/2011 của bà K không phải là một giao dịch đơn lẻ độc lập, bà K rút tiền mặt có trong tài khoản của bà K tại Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu, mà “Bảng kê chi tiền mặt” ngày 29/6/2011 là chứng từ cuối cùng thể hiện kết quả của quá trình thẩm định xét duyệt cho vay của một hồ sơ tín dụng. Mặc dù hồ sơ tín dụng này đã hết thời hạn vay nhưng chưa được tất toán, nên thời điểm lưu trữ theo Thông tư số 43/2011/TT-NHNN ngày 20/12/2011 chưa được tính để áp dụng thời hạn lưu trữ. Về nguyên tắc thì “Bảng kê chi tiền mặt” ngày 29/6/2011 có chữ ký nhận tiền của bên vay là bà K phải được lưu trữ kèm theo Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 trong hồ sơ tín dụng này nên việc Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu không lưu trữ “Bảng kê chi tiền mặt” ngày 29/6/2011 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 và không cung cấp được “Bảng kê chi tiền mặt” ngày 29/6/2011 có chữ ký của bà K đã nhận số tiền vay 300.000.000đ là có thiếu sót.

3. Xét kháng cáo của bà K về việc không nhận được tiền vay của Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 nên không đồng ý trả gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng B: Mặc dù Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu không thực hiện đúng quy định về việc lưu trữ “Bảng kê chi tiền mặt” ngày 29/6/2011 theo hồ sơ tín dụng, nhưng việc bà K từ chối trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 là không có sức thuyết phục bởi các lý do sau:

- Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ban đầu bà N không thừa nhận chữ ký và chữ viết của bà K trong “Giấy lĩnh tiền mặt” ngày 29/6/2011 của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu (BL 115), nên đã có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà K trong “Giấy lĩnh tiền mặt” ngày 29/6/2011 này. Tại Kết luận

giám định số 4304 (BL 213) ngày 21/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có nội dung: Chữ ký và chữ viết trong “Giấy lĩnh tiền mặt” ngày 29/6/2011 của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu (BL 115) là do cùng một người (tức bà K) viết, ký ra. Do đó quá trình giải quyết tiếp theo bà N đã thừa nhận chữ ký và chữ viết trong “Giấy lĩnh tiền mặt” ngày 29/6/2011 là của bà K.

- Theo quy định của pháp luật thì thời điểm xác nhận nợ vay tại các tổ chức tín dụng ngân hàng được xác định là tại thời điểm mà bên vay ký vào “Giấy lĩnh tiền mặt” của bên cho vay. Căn cứ vào bút lục 115 TA, thì bà K đã ký nhận 300.000.000đ dưới mục “Người lĩnh ký” trong “Giấy lĩnh tiền mặt” ngày 29/6/2011 của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu, do đó đây là chứng cứ có giá trị pháp lý cao nhất xác định thời điểm bà K đã nhận số tiền vay 300.000.000đ của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu. “Bảng kê chi tiền mặt” ngày 29/6/2011 của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu chỉ là một trong những chứng từ hỗ trợ kèm theo hồ sơ tín dụng, chứ không phải là chứng từ duy nhất xác định bà K có nhận tiền vay 300.000.000đ của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu hay không.

- Mặc dù trong cùng ngày 29/6/2011 trong tài khoản của Doanh nghiệp Y phát sinh “có” số tiền 300.000.000đ trùng hợp với số tiền bà K vay được 300.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011, nhưng căn cứ vào “Giấy lĩnh tiền mặt” ngày 29/6/2011 của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu (BL 115) thì bà K là người trực tiếp ký nhận tiền mặt đối với số tiền vay được là 300.000.000đ, còn căn cứ vào “Giấy nộp tiền mặt” ngày 29/6/2011 của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu (BL 116) thì ông Y là người trực tiếp nộp số tiền mặt 300.000.000đ vào tài khoản của Doanh nghiệp Y, chứ không phải tài khoản của Doanh nghiệp Y báo “có” 300.000.000đ là do được chuyển khoản đến từ tài khoản khác trong cùng hệ thống Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu. Vì vậy không có căn cứ để xác định 300.000.000đ có trong tài khoản của Doanh nghiệp Y chính là số tiền 300.000.000đ bà K được vay theo Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011. Do đó lời trình bày của bà K cho rằng Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu đã lừa bà K ký trước chứng từ nhận tiền vay 300.000.000đ vào ngày 29/6/2011, nhưng sau đó không giao 300.000.000đ cho bà K, mà căn trừ số tiền này trả nợ vào tài khoản của Doanh nghiệp Y là không có cơ sở.

- Bà K cho rằng Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu không giao 300.000.000đ tiền vay cho bà K mà tự căn trừ khoản tiền này của bà K để trả nợ vào tài khoản của Doanh nghiệp Y, nhưng tại thời điểm vay bà K không có bất cứ khiếu nại thắc mắc gì về việc không nhận được 300.000.000đ tiền vay là không phù hợp với thực tế khách quan.

- Bên cạnh đó thì tại “Biên bản kiểm kê sử dụng vốn vay” ngày 08/7/2011 của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu (BL 172) đối với bà K ông D (có chữ ký của bà K) đã kết luận: Bà K ông D “sử dụng vốn vay đúng mục đích”, từ đó có cơ sở để xác định bà K đã nhận tiền vay 300.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 của Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu và đã sử dụng đúng mục đích số tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng này.

- Tại điểm b.1, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 mà bà K đã ký kết với Ngân hàng B Bà Rịa – Vũng Tàu có thỏa thuận: “Lãi vay

được bên vay trả định kỳ vào ngày 22 hàng tháng”. Tuy nhiên quá trình bà K vay vốn, Phòng giao dịch B thành phố Vũng Tàu đã có Thông báo số 788 ngày 09/9/2011 (BL 27) và Thông báo số 864 ngày 07/11/2011 (BL 27) thông báo cho bà K biết khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 đã quá hạn trả nợ lãi, đề nghị bà K trả nợ lãi, nhưng bà K cũng không có bất cứ phản hồi gì về việc bà K không nhận được tiền vay 300.000.000đ nên bà K không có trách nhiệm trả lãi của số tiền này là cũng không phù hợp với thực tế khách quan.

Từ các lý do trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở thỏa mãn kháng cáo của bà K, nên thông nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là không chấp nhận kháng cáo của bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

4. Bà K phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

5. Do bản án sơ thẩm tuyên phần lãi suất chậm trả không chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thông nhất chỉnh lại kỹ thuật tuyên bản án về phần này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim K, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện L như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 với bà Nguyễn Thị Kim K.

2. Bà Nguyễn Thị Kim K có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 tính đến ngày 27/11/2017 là 688.829.167 (sáu trăm tám mươi tám triệu, tám trăm hai mươi chín ngàn, một trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó gồm 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) nợ gốc và 388.829.167đ (ba trăm tám mươi tám triệu, tám trăm hai mươi chín ngàn, một trăm sáu mươi bảy đồng) nợ lãi.

Bà Nguyễn Thị Kim K phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc cho Ngân hàng TMCP B kể từ ngày 28/11/2017 theo lãi suất được thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 4172878 ngày 29/6/2011 cho đến khi tất toán hết nợ gốc.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị Kim K không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 000708/2011/HĐTC ngày 24/6/2011 đối với thửa đất số 287 tờ bản đồ 130 thị trấn X, huyện L, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 930306 ngày 17/3/2008 do UBND huyện L cấp cho bà Nguyễn Thị Kim K.

4. Chi phí đo đất, xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị Kim K có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP B 2.990.707đ (hai triệu, chín trăm chín mươi ngàn, bảy trăm lẻ bảy đồng).

5. Chi phí giám định: 3.000.000đ (ba triệu đồng) bà K đã nộp đủ.

6. Án phí:

- Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Kim K phải nộp 31.553.166đ (ba mươi một triệu, năm trăm năm mươi ba ngàn, một trăm sáu mươi sáu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B 13.750.000đ (mười ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001394 ngày 14/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

- Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm : Bà Nguyễn Thị Kim K phải nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng), được khấu trừ vào 2.000.000đ (hai triệu đồng) bà Nguyễn Thị Kim K đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009578 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Như vậy bà Nguyễn Thị Kim K đã nộp xong án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2018).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Quang